

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 5 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hồ Xuân Dũng

2/ Ông Nguyễn Hữu Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 951/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1048/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Tuyết T, sinh năm 1990; trú tại: thôn Đ, xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Trương Thanh T, sinh năm 1982; trú tại: thôn L, xã P, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết T trình bày:* Chị và anh Trương Thanh T tự tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2008. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống cùng gia đình chồng ở xã P, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát

sinh nhiều mẫu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà chỉ cờ bạc, chơi bời, nhiều lần đánh đập, chửi bới chị. Năm 2013, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã H, thị xã A sinh sống, tự chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh T. Chị xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Trương Thanh T, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Trương Thanh T có người con chung tên Trương Quốc D, sinh ngày 15/7/2008, hiện đang ở với anh T. Chị yêu cầu giao cháu D cho anh T tiếp tục nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về quan hệ tài sản: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 3 năm 2022 bị đơn anh Trương Thanh T trình bày:* Anh và chị Đặng Thị Tuyết T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2008. Chị T tự ý bỏ nhà đi không có lý do và không liên lạc với cha con anh đã hơn 8 năm. Nay chị T muốn quay về chung sống, anh cũng không thể tiếp tục chung sống với chị T. Tuy nhiên, chị T muốn được anh đồng ý ly hôn thì phải về nhà gặp cha con anh nói chuyện. Nếu chị T không về, anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một người con tên Trương Quốc D, sinh ngày 15/7/2008, hiện đang ở với anh. Nếu ly hôn, con muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Đặng Thị Tuyết T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 56, 81, 82, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Đặng Thị Tuyết T được ly hôn anh Trương Thanh T.

+ *Về quan hệ con chung:* Giao người con chung tên Trương Quốc D, sinh ngày 15/7/2008 cho anh Trương Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận

sự tự nguyện của chị Đặng Thị Tuyết T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

+ *Về quan hệ tài sản*: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

+ *Về án phí*: Buộc chị Đặng Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Tuyết T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn anh Trương Thanh T có nơi cư trú tại xã P, thị xã An Nhơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Anh Trương Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Tuyết T và anh Trương Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã A, tỉnh Bình Định vào ngày 01/10/2008, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo chị Đặng Thị Tuyết T thì trong quá trình chung sống giữa chị và anh Trương Thanh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và ly thân từ năm 2013. Hiện chị không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Trương Thanh T nên yêu cầu ly hôn. Còn anh Trương Thanh T cũng xác định không thể tiếp tục chung sống với chị T. Song, anh yêu cầu chị T phải về nhà gặp cha con anh nói chuyện. Nếu chị T không về, anh không đồng ý ly hôn.

[4] Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian, tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhưng anh Trương Thanh T không đến tham gia. Điều này chứng minh rằng lý do anh Trương Thanh T không đồng ý ly hôn không phải vì anh còn tình cảm với chị T và mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã có đủ căn cứ để khẳng định mức độ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể duy trì. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Tuyết T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị Tuyết T và anh Trương Thanh T có một người con chung tên Trương Quốc D, sinh ngày 15/7/2008. Chị T yêu cầu giao con cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu D, cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu Trương Quốc D được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị T và anh T sống ly thân cho đến nay. Qua xem xét nguyện vọng của cháu D, cháu mong muốn được ở với anh T khi cha mẹ ly hôn. Do đó, giao cháu Trương Quốc D cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Tuyết T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ nên ghi nhận.

[7] Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị Tuyết T và anh Trương Thanh T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Tuyết T. Cho chị Đặng Thị Tuyết T được ly hôn anh Trương Thanh T.

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:* Giao cháu Trương Quốc D, sinh ngày 15/7/2008 cho anh Trương Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị Tuyết T cấp dưỡng cháu Trương Quốc D mỗi tháng 1.000.000(một triệu) đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản*: Chị Đặng Thị Tuyết T và anh Trương Thanh T không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

5. *Án phí sơ thẩm*: Chị Đặng Thị Tuyết T phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Đặng Thị Tuyết T được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005122 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

6. *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm chị Đặng Thị Tuyết T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã P
- (ĐKKH số 62-2008 ngày 01/10/2008);
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ái Phương**